

KẾ HOẠCH
CỦA BAN THƯỜNG VỤ ĐẢNG ỦY
thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024
của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

Thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW), Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW, Ban Thường vụ Đảng uỷ phường Hải An xây dựng kế hoạch thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Nhằm tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động của toàn Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân phường trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tạo đột phá trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy,... Cụ thể hóa các quan điểm, mục tiêu, chủ trương, chính sách nêu tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy thành mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phù hợp thực tiễn phát triển mạnh mẽ của phường Hải An, bảo đảm tính khả thi với yêu cầu chỉ tiêu bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu chung thành phố xác định tại Kế hoạch hành động số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy góp phần cùng thành phố tận dụng các cơ hội, đưa phường Hải An nói riêng, thành phố Hải Phòng nói chung phát triển bứt phá, toàn diện, giàu mạnh trong kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

- Tổ chức thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư; Nghị quyết số 71/NQ-CP, ngày 01/4/2025 của Chính phủ, Nghị quyết số 226/2025/QH15 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách tạo đột phá trong phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, Kế hoạch số 12-KH/TU ngày 26/8/2025 của Ban Thường vụ Thành ủy với tinh thần quyết tâm cao, nỗ lực lớn; lãnh đạo, chỉ đạo cụ thể, thường xuyên, phân công rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ chất lượng, rõ thẩm quyền và hiệu quả.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

1. Mục tiêu chung

Thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo, khơi dậy tinh thần sáng tạo và thu hút nguồn lực chất lượng cao từ trong và ngoài nước.

Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số hiện đại, minh bạch, hiệu quả, đưa hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành của tổ chức, cơ quan đảng, chính quyền lên môi trường số, dựa trên dữ liệu; cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, tiện ích số thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, tạo đột phá trong cải cách hành chính, quản trị công và phát triển bền vững.

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy tiềm lực sáng tạo của mọi tầng lớp xã hội, thúc đẩy liên kết với các địa phương, hội nhập quốc tế về khoa học, công nghệ, đóng góp tích cực vào mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số là động lực đồng thời là mục tiêu phát triển và bền vững phát triển kinh tế - xã hội; phục vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh cũng như sinh hoạt cộng đồng của người dân, tạo môi trường khởi nghiệp sáng tạo, chủ động tiếp cận và tận dụng các cơ hội của cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Đến hết năm 2025

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt $\geq 60\%$.
- Tỷ lệ phủ sóng 5G trong các điểm du lịch đạt 100%.
- Có $\geq 60\%$ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 01 Gbps/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Phấn đấu có ít nhất 3,0% tổng chi ngân sách phường chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo.
- 80% cán bộ, công chức phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.
- 80% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành
- 80% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có $\geq 75\%$ cơ sở giáo dục phổ thông đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.
- Có $\geq 70\%$ đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo

dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.

- Có $\geq 90\%$ cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.

- Có $\geq 80\%$ cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.

c) Phát triển khoa học công nghệ

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số phường $\geq 0,77$.
- Có $\geq 70\%$ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và địa phương, giữa các cấp chính quyền.
- Có 100% thủ tục hành chính liên quan đến đào tạo, nghiên cứu, sản xuất, kinh doanh phải được thực hiện trực tuyến.
- Có $\geq 70\%$ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.
- Có $\geq 80\%$ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.
- Có 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện.
- Có $\geq 70\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- Có $\geq 30\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.
- Có $\geq 70\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Đảng ủy, chính quyền phường 60% phải sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.
- Đẩy mạnh ứng dụng thương mại điện tử.
- Tỷ lệ Quy mô kinh tế số trong GRDP đạt 30%.

2.2. Đến hết năm 2030

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 5G trên địa bàn đạt 100%.
- 100% người sử dụng có khả năng truy cập băng thông rộng cố định với tốc độ trên 01 Gb/s.

b) Phát triển nguồn lực

- Phân đầu có ít nhất 3,0% tổng chi ngân sách phường chi cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.
- 100% cán bộ, công chức phường được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản.

- 100% cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành.

- 90% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có $\geq 95\%$ cơ sở giáo dục phổ thông đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.

- Có $\geq 90\%$ đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.

- Có 100% cơ sở giáo dục triển khai ký số trên các hệ thống sổ sách, sổ điểm, học bạ số.

- Có 100% cơ sở giáo dục phổ thông thường xuyên triển khai các chương trình giảng dạy về kỹ năng số cho học sinh (học viên) phù hợp với quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định tại thông tư số 02/2025/TT-BGDĐT ngày 24/01/2025 về Khung năng lực số cho người học.

- Có $\geq 95\%$ các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục.

- Có $\geq 85\%$ cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.

- Có 100% cơ sở giáo dục phổ thông triển khai phương thức giáo dục tích hợp Khoa học, Kỹ thuật, Công nghệ, Toán học (STEM) và nghiên cứu khoa học.

- Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo góp phần quan trọng xây dựng, phát triển giá trị văn hóa, xã hội, con người, duy trì chỉ số phát triển con người (HDI) duy trì trên 0,7.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Tốc độ đổi mới công nghệ trung bình đạt 20 - 22%/năm.

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh, giáo dục và đào tạo; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số phòng $\geq 0,8$

- Có 100% thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa trung ương và thành phố, giữa các cấp chính quyền.

- 100% giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”.

- 100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa.

- Có $\geq 85\%$ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có $\geq 60\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số.

- Có $\geq 90\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID). (tăng 5% kế hoạch TP)

- Tỷ lệ người dân có chữ ký số $\geq 10\%$.

- Đảng uỷ, chính quyền phường 90% phải sử dụng phần mềm quản trị điều hành thống nhất.

- Tỷ lệ Quy mô kinh tế số trong GRDP đạt 35%.

2.3. Đến hết năm 2035

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 50%.

- Tỷ lệ phủ sóng 6G tại khu công nghiệp, cảng biển, cảng hàng không trên địa bàn phường đạt 100%.

b) Phát triển nguồn lực

- Đạt 3% tổng chi ngân sách phường hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số. (tăng 3% kế hoạch TP)

- 95% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.

- Có 100% cơ sở giáo dục phổ thông đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.

- Có $\geq 95\%$ đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.

- Có $\geq 95\%$ cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân

d) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số phường $\geq 0,85$

- Có 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.

- Có $\geq 85\%$ doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số.

- Có $\geq 95\%$ người dân có tài khoản định danh điện tử.

- Tỷ lệ người dân trưởng thành có chữ ký số đạt 20%.

- Tham gia ứng dụng Trung tâm điều hành thông minh của thành phố.

- Tỷ lệ Quy mô kinh tế số trong GRDP đạt 45-50%.

2.4. Đến hết năm 2040

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 80%.

b) Phát triển nguồn lực

- Đạt trên 3% tổng chi ngân sách phường hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.
- 97% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- 80% - 90% dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).
- Có 100% đối với các cơ sở giáo dục mầm non và các cơ quan quản lý giáo dục đánh giá mức độ chuyển đổi số đạt mức 2 trở lên.
- Có 100% các cơ sở giáo dục phổ thông thực hiện lồng ghép, tích hợp giáo dục khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo vào các môn học và hoạt động giáo dục.
- Có 100% cơ sở giáo dục trung học có tổ chức câu lạc bộ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo hoạt động thường xuyên.

c) Phát triển khoa học, công nghệ

- Ứng dụng AI, IoT, Big Data,... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân.

d) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số phường $\geq 0,92$
- 100% hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử,
- Tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 30%.
- Tham gia ứng dụng Trung tâm điều hành thông minh của thành phố.
- Tỷ lệ Quy mô kinh tế số trong GRDP đạt 50-55%

2.5. Đến hết năm 2045

a) Phát triển hạ tầng

- Tỷ lệ phủ sóng 6G trên địa bàn đạt 100%.

b) Phát triển nguồn lực

- Đạt trên 3,5% tổng chi ngân sách phường hằng năm cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số
- 100% dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao thông.
- Có $\geq 90\%$ dân số trưởng thành thường xuyên sử dụng dịch vụ số (chăm sóc

sức khỏe từ xa, học trực tuyến nâng cao, giao dịch tài chính số,...).

Thu hút đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học, kỹ sư công nghệ hàng đầu.

c) Phát triển chuyển đổi số

- Chỉ số chuyển đổi số phường đạt 1,0.
- 100% doanh nghiệp vừa và nhỏ ứng dụng công nghệ số.
- 100% người dân có tài khoản định danh điện tử (VNeID).
- Tỷ lệ người dân có chữ ký số đạt 40%.
- Tỷ lệ Quy mô kinh tế số trong GRDP đạt 60%.

- Ứng dụng AI, IoT và Big Data ở mức độ cao trong hệ thống đảng số, chính quyền số giúp xây dựng các hệ thống quản trị thông minh, tự động hóa ra quyết định dựa trên dữ liệu thời gian thực, tối ưu hóa quy trình vận hành và nâng cao chất lượng các hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và dịch vụ công.

- Đô thị vận hành dựa trên dữ liệu, quản trị thông minh, giảm phát thải, sử dụng năng lượng xanh.

- Dịch vụ y tế, giáo dục, an sinh xã hội đạt chuẩn tiên tiến, người dân hưởng thụ môi trường sống hiện đại, an toàn, tiện ích.

- Hội nhập sâu với mạng lưới đô thị thông minh toàn cầu, là điểm đến của hợp tác quốc tế về công nghệ, nghiên cứu, du lịch.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

1.1. Thành lập Ban chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của phường, có cơ chế, chính sách đãi ngộ phù hợp; bố trí cán bộ có trình độ, năng lực về khoa học, kỹ thuật vào cấp ủy.

1.2. Ban hành kế hoạch, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện, phân công rõ trách nhiệm cho các phòng, ban, đơn vị.

1.3. Lồng ghép các nội dung trong nghị quyết và quyết định vào các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của phường.

1.4. Mời các chuyên gia, các nhà khoa học, nhà quản lý có uy tín để tham vấn. Thiết lập cơ chế phối hợp liên ngành, liên cấp; tăng cường sự vào cuộc của các ban, ngành; giao trách nhiệm, lộ trình cụ thể.

2. Nâng cao nhận thức và quyết tâm chính trị, thông tin, truyền thông

2.1. Tổ chức học tập, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan sâu rộng trong toàn hệ thống chính trị, đến từng cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người dân.

- Nội dung quán triệt cần tập trung vào các vấn đề cốt lõi của Nghị quyết số

57-NQ/TW, gắn với thực tiễn của phường.

- Hình thức quán triệt cần đa dạng, phong phú (hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn, tài liệu, video...) cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức; phổ biến đến cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã, người dân. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong hoạt động thông tin, tuyên truyền.

- Mời chuyên gia có kinh nghiệm thực tế về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tham gia chia sẻ, trao đổi.

2.2. Xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết, phân công rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả và rõ trách nhiệm; xác định thời hạn hoàn thành và chỉ tiêu đánh giá với các mục tiêu, cụ thể cho từng giai đoạn 5 năm (năm 2025 đến năm 2030, 2035, 2040, 2045); xác định rõ nguồn lực thực hiện (nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất...).

2.3. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu với kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW.

Đưa kết quả thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW vào tiêu chí đánh giá, xếp loại, thi đua, khen thưởng cán bộ, công chức.

2.4. Đẩy mạnh truyền thông về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên các phương tiện thông tin đại chúng.

- Đa dạng hóa hình thức truyền thông (báo chí, truyền hình, phát thanh, mạng xã hội...).

- Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên cổng thông tin điện tử phường, mạng xã hội về khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Triển khai sâu rộng phong trào “Bình dân học vụ số”, phổ cập, nâng cao tri thức số, tri thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân trên địa bàn.

- Vận động Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tham gia tuyên truyền; lồng ghép với phong trào thi đua yêu nước, khởi nghiệp sáng tạo.

- Khơi dậy các phong trào thi đua, mở rộng, đa dạng các hình thức tôn vinh, biểu dương, khen thưởng kịp thời, xứng đáng đối với các chuyên gia, nhà khoa học, nhà sáng chế, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, các mô hình tiêu biểu, điển hình trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

2.5. Xây dựng văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp trong môi trường số.

- Triển khai thực hiện quy tắc ứng xử trên môi trường số cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về văn hóa số, đạo đức nghề nghiệp.

3. Tham gia hoàn thiện thể chế, chính sách tạo đột phá, đảm bảo nguồn lực

3.1. Kịp thời cụ thể hóa, triển khai các quy định pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thuộc thẩm quyền của phường ngay khi Trung ương hoàn thiện thể chế theo tinh thần Nghị quyết 57-NQ/TW.

3.2. Tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin trên địa bàn theo chỉ đạo của thành phố.

3.3. Rà soát, đánh giá, đề xuất bổ sung chính sách hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp của phường.

3.4. Xây dựng quy hoạch và các kế hoạch cụ thể để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo giai đoạn 2025 - 2045, đồng bộ với quy hoạch thành phố có tầm nhìn tới 2045, tập trung cả hệ thống chính trị để thực hiện thành công các quy hoạch, kế hoạch, biến tiềm năng thành hiện thực trong thời gian sớm nhất.

3.5. Tham gia nghiên cứu, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, thực hiện các chính sách ưu đãi đầu tư, hỗ trợ tài chính cho các dự án nghiên cứu, ứng dụng công nghệ cao để thúc đẩy các lĩnh vực ưu tiên, thu hút tài năng, doanh nghiệp công nghệ cao, thúc đẩy R&D, khuyến khích doanh nghiệp khởi nghiệp công nghệ cao; triển khai áp dụng các cơ chế, chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số về làm việc, sinh sống tại các cơ quan đảng, nhà nước, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và các doanh nghiệp trên địa bàn; Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút vốn đầu tư tư nhân; đổi mới phương thức đầu tư PPP cho các dự án hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu; Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển lĩnh vực công nghiệp văn hóa, công nghiệp văn hóa số, xây dựng sản phẩm du lịch số, hệ sinh thái du lịch thông minh.

3.6. Triển khai các cơ chế tạo điều kiện chuyển giao công nghệ, sẵn sàng thử nghiệm các công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới (sandbox), có kiểm soát rủi ro; cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

3.7. Tham gia xây dựng quỹ hỗ trợ đổi mới sáng tạo, quỹ đầu tư khởi nghiệp. Ưu tiên bố trí ngân sách cho các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, dự án chuyển đổi số và kêu gọi xã hội hóa.

3.8. Đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo thuận lợi tối đa cho người dân, doanh nghiệp; Rà soát, đề xuất cắt giảm các thủ tục không cần thiết; Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp các dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính; Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp công nghệ, startup tiếp cận đất đai, vốn, nhân lực.

3.9. Tập trung thúc đẩy khai thác, triển khai, kết nối, hợp tác hiệu quả; tăng

cường thu hút các tổ chức, doanh nghiệp đầu tư cho nghiên cứu, sản xuất và phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3.10. Bố trí đủ nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) để triển khai các nội dung, nhiệm vụ đề ra tại Kế hoạch. Tăng tỷ lệ chi ngân sách cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo đáp ứng yêu cầu, quy định; lồng ghép với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

3.11. Xây dựng các dự án đầu tư công về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong giai đoạn 2026 - 2030 và giai đoạn tiếp theo.

4. Xây dựng chiến lược phát triển hạ tầng số, ứng dụng, dịch vụ số

- Triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành, thông tin, báo cáo và phối hợp giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị sau khi sắp xếp đơn vị hành chính các cấp; bảo đảm thông suốt, hiệu quả, kịp thời.

- Xây dựng/tổ chức thực hiện chiến lược tổng thể 10 năm đầu tư phát triển hạ tầng số đồng bộ, hiện đại, bảo đảm an toàn, an ninh, có tính dự phòng.

- Lồng ghép chiến lược tổng thể phát triển hạ tầng số vào quy hoạch tổng thể của phường và thành phố.

- Ưu tiên phát triển hạ tầng số trong xây dựng đô thị thông minh có tính kết nối, liên thông; thúc đẩy kết nối, chia sẻ hạ tầng số giữa các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; lồng ghép các nội dung phát triển hạ tầng số vào quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Mở rộng phủ sóng băng thông rộng (4G, 5G, cáp quang) nâng cấp đường truyền cho cơ quan đảng, nhà nước, trường học, bệnh viện; ưu tiên phủ sóng cho điểm du lịch, cảng hàng không...

- Tham gia xây dựng quy chế về chia sẻ hạ tầng số.

- Tham gia xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu dùng chung của thành phố.

- Đưa các hoạt động của cơ quan đảng, nhà nước lên môi trường mạng, hướng tới hiệu lực, hiệu quả, công khai, minh bạch; công tác chỉ đạo, điều hành trực tuyến, dựa trên dữ liệu.

- Ứng dụng công nghệ giải quyết vấn đề môi trường, xã hội: Áp dụng giải pháp công nghệ (IoT, AI, GIS...) trong giám sát môi trường, quản lý tài nguyên. Thúc đẩy tiết kiệm năng lượng, sử dụng năng lượng tái tạo, hướng đến phát triển xanh, bền vững. Đẩy mạnh chuyển đổi số và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ trong lĩnh vực văn hóa, trong quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hoá.

5. Tham gia xây dựng chiến lược tổng thể 10 năm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, hỗ trợ nghiên cứu và phát triển

- Tạo điều kiện kết nối viện - trường - doanh nghiệp, thúc đẩy nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ phục vụ sản xuất, đời sống.

- Ưu tiên các nhiệm vụ khoa học, công nghệ giải quyết vấn đề bức thiết, phát triển kinh tế - xã hội (du lịch, bảo vệ môi trường, y tế, giáo dục...).

6. Tham gia xây dựng chiến lược giai đoạn 5 năm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao

- Triển khai áp dụng các chính sách ưu đãi để thu hút, giữ chân nhân tài.

- Cụ thể hóa các chương trình đào tạo, bồi dưỡng về kỹ năng số, kiến thức chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp...

- Xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng số (quản trị dữ liệu, sử dụng nền tảng số...) cho lãnh đạo phường; tổ chức các lớp tập huấn định kỳ.

- Tăng cường đào tạo về kỹ năng số, kiến thức về công nghệ mới; khuyến khích doanh nghiệp tham gia vào quá trình đào tạo; triển khai mô hình trường học thông minh, lớp học ảo, học liệu số; tạo điều kiện để học sinh tiếp cận công nghệ sớm.

- Tham gia xây dựng cơ sở dữ liệu về nhân lực khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, thống nhất toàn quốc về nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Tăng cường kết nối liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, tạo nên hệ sinh thái dữ liệu mở, thông minh và an toàn.

- Tạo môi trường làm việc thông thoáng, văn minh để thu hút chuyên gia công nghệ cao, nhà khoa học giỏi đến làm việc.

7. Tham gia xây dựng chiến lược chuyển đổi số, kinh tế số

7.1. Chiến lược từng giai đoạn 5 năm thực hiện Chương trình chuyển đổi số và Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng

- Phát triển các nền tảng số dùng chung, cơ sở dữ liệu số dùng chung, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị tại thành phố, đẩy mạnh cải cách hành chính, rà soát, tái cấu trúc, số hóa toàn bộ quy trình nghiệp vụ dựa trên công nghệ số.

- Ưu tiên sử dụng các ứng dụng, nền tảng số đã được Trung ương đầu tư, bảo đảm đồng bộ, tiết kiệm nguồn lực; đồng thời khai thác hiệu quả hạ tầng dùng chung, tránh phát sinh trùng lặp trong xây dựng và triển khai các hệ thống số tại thành phố.

- Tăng cường kết nối, chia sẻ, sử dụng chung hạ tầng số giữa thành phố với Trung ương.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong tổng hợp, báo cáo, hỗ trợ ra quyết định.

- Khuyến khích xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển hạ tầng số.

7.2. Chiến lược từng giai đoạn 5 năm triển khai các nền tảng số

- Tích hợp, liên thông các cơ sở dữ liệu (dân cư, đất đai, doanh nghiệp...) trên nền tảng chung, tích hợp với AI, hạn chế trùng lặp, phân tán dữ liệu.
- Đẩy mạnh xác thực điện tử, chữ ký số.
- Triển khai các nền tảng số thông minh trong các ngành, lĩnh vực: du lịch, sản xuất, thương mại điện tử, giáo dục - y tế, đô thị, môi trường,...
- Phát triển thanh toán số, thúc đẩy kinh tế số, xã hội số, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Số hóa hồ sơ, tài liệu, thực hiện toàn bộ các hoạt động xử lý hồ sơ, công việc, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, các ứng dụng tiện ích chất lượng cao phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan trong hệ thống chính trị, phục vụ cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp trên môi trường số.

7.3. Xây dựng chiến lược từng giai đoạn 5 năm, các chương trình, đề án cụ thể

- Hỗ trợ doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh tiếp cận, ứng dụng các giải pháp số (quản lý, marketing, vận hành, kế toán, thanh toán không dùng tiền mặt, thương mại điện tử...).
- Phát triển nền tảng kết nối doanh nghiệp - nhà cung cấp giải pháp công nghệ, tổ chức hội chợ, hội thảo công nghệ; tạo môi trường chia sẻ kiến thức.
- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia các chuỗi cung ứng số, xuất khẩu sản phẩm, dịch vụ thông qua nền tảng số toàn cầu.
- Tham gia xây dựng thương hiệu số cho sản phẩm chủ lực, áp dụng công nghệ truy xuất nguồn gốc, IoT, blockchain, chế biến...
- Tham gia triển khai các công cụ phân tích dữ liệu (Big Data, AI) để dự báo, đánh giá thị trường, nâng cao hiệu quả marketing.
- Tham gia hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ đầu tư ra nước ngoài; thu hút các doanh nghiệp về công nghệ cao khởi nghiệp, đầu tư tại địa phương.
- Đặt hàng các doanh nghiệp công nghệ số thực hiện các nhiệm vụ trọng điểm về chuyển đổi số.

8. Bảo đảm an ninh mạng và chủ quyền số

8.1. Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

8.2. Tăng cường an ninh mạng

- Tham gia kiểm soát an toàn thông tin mạng, triển khai hệ thống phòng chống mã độc tập trung thành phố.

- Triển khai thực hiện quy chế bảo vệ dữ liệu cá nhân, thông tin quan trọng.
- Tăng cường năng lực giám sát, cảnh báo sớm, ứng cứu sự cố an ninh mạng.
- Xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố.

8.3. Cụ thể hóa các biện pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh mạng

- Chia sẻ thông tin, phối hợp theo dõi, giám sát, xử lý sự cố, trong đó xác định rõ đầu mối phối hợp với các cơ quan thành phố (Công an thành phố), Trung ương (Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Khoa học và Công nghệ, Ban Cơ yếu Chính phủ), có kế hoạch theo dõi, giám sát, đánh giá thường xuyên các hệ thống để bảo đảm an ninh, an toàn.

- Khuyến khích doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển các sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng.

- Tham gia đánh giá và ưu tiên sử dụng giải pháp, sản phẩm an toàn thông tin “Made in Việt Nam”.

9. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết vùng, quốc tế

9.1. Hợp tác với địa phương lân cận, vùng kinh tế, doanh nghiệp, nhà khoa học

- Tăng cường liên kết, hợp tác với các địa phương trong và ngoài khu vực để thúc đẩy việc thực hiện Nghị quyết (chia sẻ kinh nghiệm, hợp tác đào tạo nhân lực, xây dựng hạ tầng, nền tảng số dùng chung...), phối hợp triển khai các dự án chung, đặc biệt về hạ tầng số, liên kết chuỗi giá trị, chia sẻ kinh nghiệm đổi mới sáng tạo.

- Tổ chức hội nghị về chuyển đổi số, khoa học - công nghệ cấp phường. Phối hợp thúc đẩy các chương trình nghiên cứu, chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược.

- Tham gia các diễn đàn, hội thảo, hội nghị kết nối giữa nhà nước - doanh nghiệp - viện nghiên cứu - nhà khoa học - cộng đồng khởi nghiệp.

9.2. Hội nhập quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài

- Khuyến khích kết nối với các tổ chức, quỹ, doanh nghiệp công nghệ quốc tế; thúc đẩy chuyển giao công nghệ cao.

- Tăng cường tham gia các sự kiện, hội chợ công nghệ toàn cầu; xây dựng thương hiệu về đổi mới sáng tạo, khoa học, công nghệ.

- Chủ động tham gia các diễn đàn, tổ chức quốc tế, học tập kinh nghiệm về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đề xuất các sáng kiến, giải pháp hợp tác quốc tế, ký kết các thỏa thuận hợp tác, triển khai các dự án hợp tác cụ thể trên địa bàn.

- Tham gia các hoạt động giao lưu, kết nối doanh nghiệp, trao đổi đoàn, tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác, thu hút đầu tư về khoa học công nghệ, đổi mới sáng

tạo, chuyển đổi số nhất là từ các quốc gia tiên tiến có nền khoa học, công nghệ phát triển hàng đầu thế giới, các tập đoàn công nghệ hàng đầu thế giới...

- Tìm kiếm, thúc đẩy các cơ hội hợp tác với các đối tác nước ngoài, ưu tiên các đối tác có thế mạnh về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, đẩy mạnh chuyển giao công nghệ tiên tiến, chiến lược từ nước ngoài vào phường.

- Phối hợp tạo điều kiện, giúp đỡ doanh nghiệp phường tiếp cận, mở rộng thị trường, đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ, năng lực đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, tăng cường hợp tác xúc tiến, tư vấn, môi giới, chuyển giao công nghệ với các tập đoàn nước ngoài.

- Tạo điều kiện cho các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước đến phường làm việc, hợp tác.

- Tạo điều kiện, hỗ trợ các đơn vị nghiên cứu, tăng cường hợp tác về khoa học công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo với các đối tác quốc tế; tăng cường thu hút, huy động nguồn nhân lực chất lượng cao là người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tại phường.

10. Giám sát, đánh giá và tuyên truyền

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các mục tiêu, yêu cầu, nhiệm vụ đã đề ra tại Kế hoạch, các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Kịp thời có các điều chỉnh về cơ chế, chính sách, văn bản quy định khi phát hiện ra các dấu hiệu có thể không đạt được các mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Ban hành quy chế, xây dựng cơ chế giám sát, thành lập đoàn kiểm tra định kỳ, báo cáo kết quả theo tháng, quý, 6 tháng, 1 năm. Thực hiện sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, điều chỉnh kịp thời mục tiêu, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công khai, minh bạch thông tin về các chương trình, chính sách hỗ trợ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Minh bạch quy trình phê duyệt, quản lý, sử dụng kinh phí; tạo cơ chế tự chủ hơn cho tổ chức phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò, kết quả của việc phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của Thường trực Đảng ủy

- Chỉ đạo, định hướng chung: Thường trực Đảng ủy trực tiếp chỉ đạo Ban Chỉ đạo, Ủy ban nhân dân phường, các cơ quan tham mưu, giúp việc cho Đảng ủy, các cấp ủy trực thuộc trong việc quán triệt, triển khai hiệu quả Kế hoạch; định

kỳ hoặc đột xuất nghe Ban Chỉ đạo báo cáo về tiến độ, kết quả, những vấn đề phức tạp, đột xuất phát sinh liên quan đến triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị.

- Quyết định các vấn đề quan trọng: chỉ đạo điều chỉnh, bổ sung mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp khi có sự thay đổi lớn về bối cảnh (chính sách, công nghệ, điều kiện kinh tế - xã hội...); xem xét, cho ý kiến về chính sách khuyến khích, cân đối nguồn lực đầu tư cho khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

- Kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm: Chỉ đạo Ban Xây dựng Đảng, Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để kiểm tra, giám sát; xử lý tập thể, cá nhân vi phạm hoặc trì trệ trong thực hiện Kế hoạch.

- Trực tiếp chỉ đạo việc khen thưởng, biểu dương điển hình, xử lý sai phạm (nếu có) trong quá trình triển khai.

- Tạo cơ chế khuyến khích đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

2. Trách nhiệm của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phường

- Chỉ đạo chung: Lãnh đạo, điều hành thống nhất việc triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW; ban hành các văn bản, đơn đốc, phối hợp các cơ quan, đơn vị để bảo đảm tiến độ, chất lượng thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu cho Ban Thường vụ Đảng ủy: Kịp thời đề xuất, tham mưu về chính sách, giải pháp thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số khi có khó khăn, vướng mắc; báo cáo tiến độ định kỳ hoặc đột xuất.

- Kiểm tra, giám sát, đơn đốc: Xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát hằng năm hoặc đột xuất; chỉ đạo xử lý kịp thời những sai sót, chậm trễ.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết: Hướng dẫn, tổng hợp, đánh giá kết quả sau mỗi giai đoạn (hàng tháng, hàng quý, 6 tháng, hằng năm, giữa nhiệm kỳ, cuối nhiệm kỳ), báo cáo khi có yêu cầu.

3. Trách nhiệm của các cấp ủy đảng trực thuộc

- Xây dựng Kế hoạch cụ thể dựa trên Kế hoạch này; quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW đến cán bộ, đảng viên, Nhân dân.

- Định kỳ báo cáo, phối hợp: Gửi báo cáo tiến độ, khó khăn, kiến nghị cho Ban Chỉ đạo phường; kịp thời phản ánh những vấn đề phát sinh; phối hợp với các đoàn kiểm tra, giám sát do Ban Chỉ đạo, các ban đảng cấp trên tiến hành.

- Định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, hằng năm: Đánh giá kết quả thực hiện tại địa phương, đơn vị; biểu dương những điển hình tốt; đề xuất giải pháp mới.

- Khuyến khích đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên, doanh nghiệp... tham gia tích cực vào các phong trào đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số.

4. Trách nhiệm của Văn phòng Đảng ủy và các ban tham mưu của Đảng ủy

4.1. Văn phòng Đảng ủy: Thực hiện vai trò Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo, kiện toàn tổ chức bộ máy đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan xây dựng các kế hoạch, chương trình để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của phường theo giai đoạn 10 năm, tầm nhìn 2045 trình Ban Chỉ đạo ban hành; phối hợp với Văn phòng HĐND-UBND phường trong tổng hợp, theo dõi, kiểm tra tiến độ, báo cáo Ban Chỉ đạo bảo đảm thông tin kịp thời, thông suốt.

4.2. Ban Xây dựng Đảng Đảng ủy phường:

- Tham mưu, đề xuất những giải pháp về công tác cán bộ để phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tham mưu bố trí cán bộ có trình độ khoa học, kỹ thuật giữ các chức vụ lãnh đạo, quản lý, tham gia vào cấp uỷ các cấp; phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy và nguồn nhân lực đảm bảo khả năng phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hệ thống cơ quan đảng.

- Chủ trì, phối hợp với Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo để quán triệt, tuyên truyền sâu rộng Nghị quyết số 57- NQ/TW; hướng dẫn tuyên truyền nội bộ, trên báo chí, mạng xã hội.

4.3. Ủy ban Kiểm tra Đảng ủy

Thực hiện kiểm tra, giám sát hằng năm đối với việc triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, Chương trình, Kế hoạch của Ban Thường vụ Đảng ủy về thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo quy định; đề xuất xử lý trách nhiệm các đơn vị, cá nhân chậm hoặc chưa triển khai thực hiện các nhiệm vụ liên quan.

5. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân phường

- Tham mưu Ban Thường vụ Đảng ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện từng giai đoạn 5 năm, trước mắt giai đoạn 2025 - 2030, trong đó cụ thể nhiệm vụ về phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo từng năm theo phương châm 6 rõ (rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ kết quả, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền); phân bổ ngân sách, huy động nguồn lực xã hội, bảo đảm tính khả thi khi thực hiện.

- Tham mưu, đề xuất với Ban Chỉ đạo về những giải pháp, cơ chế, chính sách cần sửa đổi hoặc ban hành mới, phục vụ phát triển khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; thường xuyên báo cáo Ban Chỉ đạo về kết quả triển khai, các khó khăn, vướng mắc; xin ý kiến chỉ đạo kịp thời.

- Chỉ đạo các phòng, đơn vị triển khai các nhiệm vụ, giải pháp theo chức

năng, nhiệm vụ được giao; tổ chức kiểm tra, đôn đốc tiến độ, chất lượng thực hiện; xử lý, tháo gỡ vướng mắc, bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra. Chỉ đạo kiện toàn và duy trì hoạt động hiệu quả của các “Tổ công nghệ số cộng đồng” để thực hiện “cầm tay chỉ việc”, hỗ trợ, giải đáp vướng mắc kịp thời cho cán bộ và người dân.

- Thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết: Định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất, báo cáo Ban Chỉ đạo và Thường trực Đảng ủy về kết quả triển khai, kiến nghị giải pháp nâng cao hiệu quả; chủ trì tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, kế hoạch theo từng giai đoạn; khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu; đề xuất điều chỉnh Kế hoạch nếu thấy cần thiết.

6. Trách nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phường

- Phối hợp tuyên truyền, vận động hội viên, đoàn viên, doanh nghiệp và Nhân dân hưởng ứng các chủ trương, chính sách, nhiệm vụ của Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động.

- Phát động phong trào thi đua sáng tạo, khởi nghiệp; tăng cường giám sát và phản biện xã hội trong quá trình thực hiện (phản ánh những khó khăn, bất cập lên Ban chỉ đạo phường).

- Phát huy vai trò của Tổ công nghệ số cộng đồng, Đoàn thanh niên, các hội, hiệp hội... phối hợp với các doanh nghiệp công nghệ số tuyên truyền, hỗ trợ, hướng dẫn kỹ năng số cho tổ chức, doanh nghiệp, hộ kinh doanh... và các đối tượng có liên quan.

7. Cơ chế thông tin, báo cáo, sơ kết, tổng kết

- Thông tin, báo cáo định kỳ: Các cấp ủy, tổ chức đảng, ủy ban nhân dân phường, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội định kỳ hằng tháng, hằng quý, 6 tháng, hằng năm báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch gửi về Ban Chỉ đạo; Ban Chỉ đạo tổng hợp, báo cáo Thường trực Đảng ủy, đồng thời gửi báo cáo về Ban Chỉ đạo Thành phố và cập nhật vào hệ thống giám sát, đánh giá việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW theo hướng dẫn của Trung ương.

- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết: Hằng năm, Ban Chỉ đạo phối hợp với ban đảng, Ủy ban nhân dân sơ kết, đánh giá, rút kinh nghiệm; có thể điều chỉnh một số mục tiêu, nhiệm vụ nếu cần. Giữa và cuối nhiệm kỳ hoặc theo chu kỳ 2 năm, 5 năm, tổ chức sơ kết, tổng kết theo giai đoạn trên phạm vi toàn phường; biểu dương, khen thưởng tập thể, cá nhân tiêu biểu, đồng thời đề xuất phương hướng cho giai đoạn tiếp theo.

8. Kinh phí thực hiện và nguồn lực hỗ trợ

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách (chi cho hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số...) và nguồn xã hội hóa hợp pháp khác (đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân).

- Khuyến khích các mô hình hợp tác công tư trong đầu tư hạ tầng số, trung tâm nghiên cứu, phát triển, trung tâm đổi mới sáng tạo.

- Tham gia xây dựng cơ chế linh hoạt, minh bạch, công khai trong quản lý, sử dụng kinh phí; tăng cường kiểm tra, giám sát để tránh lãng phí, tiêu cực.

Ban Thường vụ Đảng ủy yêu cầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị nghiêm túc quán triệt và triển khai thực hiện Kế hoạch này.

Nơi nhận:

- Thành ủy Hải Phòng (để báo cáo),
- Hội đồng nhân dân phường,
- UBND phường,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc Đảng ủy,
- Các phòng, ban, ngành, MTTQ VN phường,
- Các đồng chí Đảng ủy viên,
- Lưu BXDD.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ

Phạm Thị Chuyên